

Số: 557/KH-THPT

Rạch Giá, ngày 20 tháng 9 năm 2025

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN
NĂM HỌC 2025-2026**

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Về nhân sự

TT	Tổ	Tổng nhân sự	Nữ	ThS	ĐH	CĐ	TC	GV DG tỉnh	GV DG trường	GV CNG tỉnh	GV CNG trường
1	Cán bộ quản lý	4	2	4	0	0	0	4	0	0	0
2	Toán học	14	9	8	7	0	0	2	5	0	0
3	Vật lý - CNCN	8	3	2	6	0	0	5	3	1	0
4	Hóa học	7	6	2	5	0	0	5	7	1	4
5	Sinh-CNNN	7	6	1	6	0	0	2	5	1	1
6	Tin học	7	3	1	6	0	0	0	2	0	1
7	Ngữ văn	11	9	5	8	0	0	10	10	2	4
8	Sử-Địa-KTPL	14	9	1	13	0	0	4	3	2	0
9	Ngoại ngữ	10	9	2	8	0	0	3	10	0	2
10	GDTC-QPAN	7	0	0	7	0	0	1	2	0	0
11	Văn phòng	10	7	0	5	1	3	0	0	0	0
	Tổng	99	63	26	71	1	3	34	41	7	11

(Ngoài ra, hợp đồng 01 GV Mĩ thuật; 01 GV GDTC-QPAN, 01 GV Lịch sử)

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

- Nhà trường có 45 phòng học kiên cố, đủ bàn ghế, hệ thống điện chiếu sáng và quạt điện (diện tích 2908 m²); sân chơi, bãi tập (diện tích 4200 m²), sân trường được lát gạch, trồng cây xanh; có hệ thống bồn hoa, vườn hoa.
- Phòng học bộ môn: có 03 phòng học/thực hành Tin học với 90 máy sử dụng tương đối tốt, có kết nối mạng Internet; 03 phòng thực hành bộ môn: Vật lý, Hóa học, Sinh học; 01 nhà tập TDTT đa năng, đảm bảo tổ chức tốt các hoạt động thể dục thể thao; 02 phòng kho lưu giữ đồ dùng dạy học; thư viện (diện tích 128 m²) đạt chuẩn mức độ 1, có đủ tài liệu cơ bản phục vụ giảng dạy và học tập. Thiết bị dạy học được bổ sung kịp thời.
- Nhà trường có đầy đủ phòng làm việc cho Lãnh đạo Nhà trường, Đảng bộ, bộ phận tài chính (kế toán, thủ quỹ), văn thư, Công đoàn, Đoàn trường; có 01 Hội trường lớn và 02 phòng họp nhỏ, có đủ các thiết bị tối thiểu; có nhà xe giáo viên, nhà xe học sinh và công trình vệ sinh công cộng riêng cho giáo viên (nam/nữ), học sinh

(nam/nữ); đảm bảo sử dụng tốt, đảm bảo vệ sinh môi trường; có công trình nước sạch cấp đủ nước sử dụng hàng ngày cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

3. Cơ cấu lớp học (phụ lục 1)

Toàn trường có 45 lớp, 1879 học sinh, trong đó: khối 10: 15 lớp/625 học sinh; khối 11 có 15 lớp/619 học sinh; khối 12 có 15 lớp/635 học sinh. Cơ cấu lớp học như phụ lục kèm theo.

4. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân sự Nhà trường cơ bản đầy đủ, ổn định, đạt chuẩn, một bộ phận trên chuẩn, cơ cấu độ tuổi tương đối đồng đều, đại bộ phận tâm huyết với nghề nghiệp. Tập thể cán bộ, viên chức cơ bản đoàn kết, thống nhất, chủ động, sáng tạo, tích cực phát huy nội lực; nêu cao tinh thần trách nhiệm, cầu tiến, năng động, yêu nghề, vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ (85/85 GV - 100% đạt chuẩn và 19/85 GV – 22,4% trên chuẩn); tích cực hưởng ứng trong các phong trào thi đua, hoạt động thi đua. Đặc biệt, đơn vị có đến 3 thế hệ viên chức cùng chung tay thực hiện sự nghiệp giáo dục dưới một mái trường, tạo nên động lực lớn trong công tác; chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên.

Nhà trường có đủ phòng học cho tất cả các khối lớp (*mỗi lớp một phòng học nên thuận lợi cho việc quản lý và tổ chức hoạt động giáo dục*), thuận lợi cho tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Đa số học sinh chăm ngoan, có ý thức học tập và rèn luyện tốt. Nề nếp dạy và học được chấn chỉnh, duy trì tốt ngay từ đầu năm học. Học sinh cơ bản chấp hành tốt nội qui trường, lớp, có tinh thần cầu tiến, tích cực học tập.

5. Điểm yếu

Năng lực, kinh nghiệm giảng dạy của giáo viên chưa thực sự đồng đều, một số giáo viên còn ngại khó, chưa quyết tâm đổi mới phương pháp, kỹ năng nhằm đáp ứng yêu cầu mới; một số giáo viên còn hạn chế kỹ năng ứng dụng CNTT; còn có GV thiếu tinh thần hợp tác; có biểu hiện mất đoàn kết ở một tổ chuyên môn. Thiếu 01 GV Mỹ thuật; 01 GV Thể dục, 01 GV GD QPAN, 01 GV Lịch sử.

Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy còn thiếu, nhất là trang thiết bị ứng dụng CNTT theo hướng trường, lớp học tiên tiến; do đó, khó đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện đơn vị trong thời gian ngắn. Thiếu phòng thực hành, phòng bộ môn; một số thiết bị thực hành, thí nghiệm xuống cấp, độ chính xác thấp, chưa đáp ứng tốt yêu cầu dạy học.

6. Thời cơ

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo là cơ hội thúc đẩy sự phát triển của giáo dục và đào tạo nói chung, Nhà trường, giáo viên nói riêng.

Nhà trường luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Sở Giáo dục và Đào tạo, Thành ủy Rạch Giá; sự hỗ trợ hiệu quả của các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, thành phố và chính quyền địa phương; sự đồng thuận, ủng hộ của Ban đại diện cha mẹ HS và nhân dân.

7. Thách thức

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 tuy đã có quá trình triển khai, tập huấn, nhưng nền tảng đáp ứng chưa đồng bộ, có một số bất cập, gây khó khăn khi tổ chức thực hiện (*nhu cầu chọn môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập của học sinh vượt quá điều kiện thực tế, khả năng đáp ứng của Nhà trường; thông tin, ngữ liệu một số tài liệu dạy học bị thay đổi từ việc sáp nhập đơn vị hành chính; một số HS chọn môn học lựa chọn sai do chưa đánh giá đúng năng lực, sở trường của bản thân hoặc do thay đổi định hướng nghề nghiệp trong quá trình học tập nhưng việc chuyển đổi môn học là rất khó khăn đối với các em*).

Yêu cầu ngày càng cao về đổi mới quản trị nhà trường đối với cán bộ quản lý; năng lực tiếp thu và vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá và đổi mới phương pháp dạy học, chuyển đổi số đối với giáo viên.

Bên cạnh mặt tích cực từ sự phát triển của khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo đối với công tác dạy-học thì cũng có những yếu tố gây khó khăn, đòi hỏi GV phải sáng tạo, linh hoạt trong dạy học, giáo dục.

Nhà trường thuộc địa bàn vùng ven, nửa thành thị, nửa nông thôn nên đối tượng học sinh khá đa dạng. Trình độ học sinh không đồng đều: một số em hạn chế về học lực, điều kiện học tập và sinh hoạt gặp nhiều khó khăn.

II. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018¹ (CT GDPT 2018) đối với tất cả các khối lớp; bảo đảm hoàn thành chương trình năm học và nâng cao chất lượng giáo dục; triển khai dạy học 2 buổi/ngày cho tất cả các khối lớp.

2. Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh (HS), tạo cơ hội, điều kiện để HS được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), giáo dục hướng nghiệp và phân luồng HS sau THPT; nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai.

3. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, bố trí đội ngũ giáo viên (GV) hợp lý.

4. Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị trường học, tăng quyền tự chủ cho các tổ chức, bộ phận; tăng cường kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền.

5. Tiếp tục thực hiện về giáo dục đạo đức, lối sống cho HS; tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; công tác tư vấn tâm lý cho HS; công tác xã hội trong trường học. Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc tích hợp các nội dung giáo dục lồng ghép phù hợp khác theo quy định. Cùng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện hiệu quả giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho HS khuyết tật

¹ Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020, Thông tư số 19/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022; Quyết định số 712/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Hàn và Tiếng Đức - Ngoại ngữ 1, hệ 10 năm thí điểm.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học

1.1. Về thời gian

- Học kỳ I : Tuần 01 đến 18 (từ 08/9/2025 đến 11/01/2026)

Dạy học trực tiếp 16 tuần, 01 tuần kiểm tra tập trung GKI (tuần 10) và 01 tuần kiểm tra tập trung cuối HKI (tuần 18)

- Học kỳ II: Tuần 19 đến 35 (từ 12/01/2026 đến 24/5/2026)

Dạy học trực tiếp 15 tuần, 01 tuần kiểm tra GKII (tuần 26) và 01 tuần kiểm tra CKII (tuần 35)

- Về bố trí thời khóa biểu: học 2 buổi/ngày từ thứ 2 đến thứ 6; cơ bản không quá 7 tiết/ngày. Thứ bảy bố trí bồi dưỡng HS giỏi và HĐTN theo quy mô trường/khối.

1.2. Cơ cấu tổ chức lớp học, môn học lựa chọn và chuyên đề học tập (xem phụ lục 1)

1.3. Số tiết các môn học, hoạt động giáo dục (xem phụ lục 2)

1.4. Phân công dạy học và kiêm nhiệm công tác chuyên môn

GV môn Nội dung	Tiết môn chính K10	Tiết môn chính K11	Tiết môn chính K12	Tiết GD ĐP	Tiết HĐTN theo lớp	Tiết HĐTN theo nhóm	BD HSG	Phụ đạo	Tổng số tiết KN	Số tiết dạy học và kiêm nhiệm
Toán học	1890	1925	1855		780	264	240	216	1890	9060
Ngữ văn	1785	1750	1820	315	40		240	216	805	6971
T.Anh	1575	1575	1575	138	225	156	240	216	2100	7800
Lịch sử	990	780	780	270			180	72	35	3107
Thể dục	1050	1050	1050			12			645,75	3808
QPAN	525	525	525						105	1680
Vật lí	770	840	805	42	295	252	240	144	1050	4438
Hóa học	875	945	770		445	156	240	144	1120	4695
Sinh học	420	595	665	285	425	120	240	72	1155	3977
Tin học	700	910	1295		195	48	240		997,5	4386
CNCN	210	140	490		120	48			315	1323
CNNN	455	210	0	30	220	72			105	1092
Địa lí	770	735	735	315	30		180	72	525	3362
KTPL	420	595	490	180	30	12			892,5	2620
Âm nhạc	280	140			120	24			140	704
Mĩ thuật	140	140								280
Tổng	12855	12855	12855	1575	2925	1164	2040	1152	11880,8	59302

(Số tiết BDHSG trong bảng trên là số tiết sau khi đã nhân hệ số 1,5)

Ngoài ra, căn cứ điều kiện tài chính và nhu cầu của HS, dự kiến số tiết dạy ôn thi tốt nghiệp cho HS lớp 12 là 1440 tiết (*ước tính: 4 môn x 24 tiết/môn x 15 lớp*).

Đối với *Nội dung giáo dục địa phương*: bảo đảm thực hiện đầy đủ 35 tiết/lớp theo phân phối chương trình quy định; phân công giáo viên Ngữ văn (7 tiết/lớp), Lịch sử (6 tiết/lớp), Địa lí (7 tiết/lớp), Giáo dục KT&PL(4 tiết/lớp), Sinh học (5 tiết/lớp) và Lãnh đạo Nhà trường (6 tiết/lớp) phụ trách các chủ đề phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ; các tiết GDDP được bố trí vào thời khóa biểu chính khóa theo từng đợt một cách khoa học, phù hợp (*có bản phân công tổng thể riêng*).

Đối với *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*: phân công giáo viên hướng dẫn HS nghiên cứu lý thuyết các chủ đề trong sách giáo khoa với thời lượng 65 tiết/lớp (trong đó giáo viên chủ nhiệm phụ trách 10 tiết) và được sắp vào thời khóa biểu; 40 tiết còn lại được tổ chức theo quy mô trường/khối với hình thức hoạt động trải nghiệm, thực hành tương ứng với từng chủ đề (mỗi khối thành lập 02 nhóm GV chịu trách nhiệm tổ chức 08 hoạt động quy mô khối và thành lập 01 nhóm GV phụ trách tổ chức 02 hoạt động quy mô toàn trường); tổ chức hoạt động trải nghiệm, thực hành vào tuần liền kề, sau khi HS đã được nghiên cứu lý thuyết trên lớp; giáo viên được phân công phụ trách được Nhà trường tập huấn, bồi dưỡng và chủ động tự nghiên cứu tài liệu, hướng dẫn để bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

1.5. Xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục

Các tổ chuyên môn, giáo viên căn cứ vào Chương trình GDPT 2018, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn² và các quy định tại *điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 5; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, Điều 12; khoản 1 và khoản 2, Điều 15 của Quy chế chuyên môn (phụ lục 4)* để xây dựng các kế hoạch.

Kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục phải bảo đảm tính thực tiễn, linh hoạt, khả thi, phù hợp với điều kiện đội ngũ GV, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có. Trong xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học cần lưu ý các vấn đề về dạy học tích hợp lồng ghép³, giáo dục STEM⁴.

1.6. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

² Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2022, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022, Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017, Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020, Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021, Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 (điều chỉnh theo Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022); Công văn 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 về việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của Bộ GDĐT; Công văn số 4657/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 về hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông; Công văn số 355/SGDĐT-GDPT ngày 26/7/2025 của Sở GDĐT; Công văn số 1562/SGDĐT-GDPT, ngày 12/9/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh; quốc phòng, quân sự; phòng, chống khủng bố; phòng thủ dân sự năm học 2025-2026

³ Tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống trong các chương trình môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm: học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nội dung pháp luật về phòng, chống tham nhũng và đạo đức liêm chính, phòng chống tệ nạn xã hội; giáo dục quyền con người; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù, loà cho học sinh; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông; giáo dục tăng cường năng lực số, chuyển đổi số.

⁴ Công văn số 1663/SGDĐT-GDPT, ngày 16/9/2025 của Sở GDĐT về việc tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong các cơ sở giáo dục phổ thông năm học 2025-2026.

Tổ chuyên môn, GV thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy học theo *điểm c, khoản 1, Điều 5; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 8, Quy chế chuyên môn (phụ lục 4)*.

Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, bảo đảm tính hấp dẫn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn Nhà trường, góp phần tạo hứng thú học tập và phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất học sinh; các tổ chuyên môn thực hiện dạy học trực tuyến theo kế hoạch *(phụ lục 3)*.

Đối với dạy học trực tuyến, GV thực hiện thao tác giao bài cho HS đầy đủ, đúng nội dung, tiến độ phân phối chương trình; có kiểm tra, ghi nhận, đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của HS; kịp thời phát hiện khó khăn của HS trong học tập để hỗ trợ, giúp đỡ, cũng như phát hiện hành vi thiếu tự giác, chủ động để nhắc nhở, chấn chỉnh; không để HS không hoàn thành nhiệm vụ được giao đối với các tiết học trực tuyến.

1.7. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về đánh giá HS trong Chương trình GDPT theo quy định⁵, trong đó chú trọng đổi mới phương pháp và đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.

Các tổ chuyên môn, GV tăng cường xây dựng ngân hàng câu hỏi, ma trận đề kiểm tra theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học; chuẩn bị cho học sinh lớp 12 làm quen với định hướng đề thi tốt nghiệp trung học phổ thông. Kiểm tra định kỳ theo đề chung của tổ chuyên môn do Nhà trường tổ chức: kiểm tra GKI vào tuần 10, kiểm tra cuối HKI vào tuần 18; kiểm tra GKII vào tuần 26, kiểm tra cuối HKII vào tuần 35.

Cụ thể về công tác kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ thực hiện theo *các điều quy định tại Chương IV, Quy chế chuyên môn (phụ lục 4)*.

1.8. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, trong đó tập trung đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp; phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; huy động nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp; tăng cường tư vấn hướng nghiệp theo định hướng nghề nghiệp cấp trung học phổ thông⁶.

Định hướng hiệu quả việc phân luồng học sinh sau trung học phổ thông theo học các chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng của học sinh; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, kỹ năng về lựa chọn nghề nghiệp; phối hợp tốt với các trường đại học, cao đẳng,

⁵ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; Công văn số 7991/BGDĐT-GDTrH, ngày 17/12/2024 của Bộ GDĐT về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với cấp THCS, THPT; Quyết định số 764/QĐ-BGDĐT ngày 08/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cấu trúc định dạng đề thi kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025; Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của Bộ GDĐT hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

⁶ Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong GDPT giai đoạn 2018-2025".

trung cấp, các tổ chức tư vấn hướng nghiệp..., cung cấp thông tin thị trường lao động, ngành nghề đào tạo để hỗ trợ HS lựa chọn nghề nghiệp, định hướng phân luồng phù hợp sau THPT.

1.9. Phát triển năng lực số

Tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn trong quản lý, điều hành, tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá; phát triển kho học liệu số, học liệu mở; triển khai hệ thống quản lý học tập, hệ thống quản lý Nhà trường, học bạ số, hồ sơ GV điện tử trên vnedu.vn và olm.vn. Gắn kết hoạt động chuyển đổi số với đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực số của cán bộ quản lý, GV, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động nhằm nâng cao năng lực số cho HS phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT⁷,

Khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và tổ chức dạy học linh hoạt, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến; chủ động xây dựng các kịch bản, phương án tổ chức dạy học trong bối cảnh thiên tai, dịch bệnh hoặc các tình huống bất thường, bảo đảm duy trì hoạt động giáo dục liên tục, không gián đoạn, hướng đến mục tiêu “giáo dục trong mọi hoàn cảnh”.

2. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

2.1. Tổ chức cơ cấu lớp học khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường

Duy trì cơ cấu tổ chức lớp 10 lên 11, lớp 11 lên 12 và tổ chức cơ cấu lớp 10 trên cơ sở đáp ứng tối đa nguyện vọng học tập của học sinh theo mức độ đáp ứng, điều kiện thực tế của Nhà trường (*phụ lục 1*).

2.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức đáp ứng yêu cầu triển khai CT GDPT 2018.

Khai thác và phát huy tốt năng lực của GV, nhân viên đồng thời xây dựng cơ chế huy động nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, bao gồm: nghệ nhân, nghệ sĩ, vận động viên chuyên nghiệp tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục trong Nhà trường, đặc biệt trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao, kỹ năng sống. Tăng cường phối hợp và phát huy hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tại địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện cho HS, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển năng lực, phẩm chất HS theo yêu cầu của Chương trình GDPT.

Nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên, tập huấn cho cán bộ quản lý, GV và đổi mới sinh hoạt chuyên môn hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho GV.

⁷ Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên

2.3. Khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

Khai thác, sử dụng tốt cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có và phát động trong các tổ chuyên môn, GV tự làm đồ dùng dạy học đáp ứng yêu cầu môn học.

Tiếp tục mua bản quyền và chỉ đạo tổ chuyên môn, GV khai thác có hiệu quả học liệu số trên trang vnedu.vn, olm.vn; phát triển học liệu số để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

3. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý và tăng cường công tác kiểm tra hoạt động chuyên môn

1. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn, quy chế chuyên môn làm cơ sở cho công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành công tác chuyên môn của Nhà trường. Mọi hoạt động chuyên môn phải được tổ chức thực hiện, quản lý trên cơ sở quy chế chuyên môn, kế hoạch giáo dục của Nhà trường và văn bản hiện hành. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn; thực hiện nhập liệu, khai thác, sử dụng thống nhất cơ sở dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, HS, GV.

2. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo⁸. Tập trung kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được giao của nhà giáo, của tổ chuyên môn; việc sử dụng, bảo quản thiết bị dạy học. Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên kiểm soát chặt chẽ nội dung, không để xuất bản phẩm tham khảo có nội dung vi phạm chủ quyền biển đảo, truyền thống văn hoá, thuần phong mỹ tục của Việt Nam đưa vào sử dụng trong dạy học.

4. Công tác thi đua, khen thưởng

1. Đẩy mạnh tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến trong công tác dạy học và quản lý, bảo đảm tính lan tỏa, hiệu quả, thiết thực, phù hợp điều kiện Nhà trường; gắn với phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” nhằm tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

2. Cụ thể hóa các tiêu chí thi đua theo hướng dẫn của Sở GDĐT thành các hoạt động cụ thể để thực hiện có chất lượng, hiệu quả các mặt công tác trong nhiệm vụ năm học; bảo đảm công bằng, minh bạch, gắn với hiệu quả công việc.

3. Thực hiện tốt việc khen thưởng, kỉ luật vì sự tiến bộ của học sinh; bảo đảm thực hiện đúng quy định, công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời, tạo cảm hứng và động lực phấn đấu cho học sinh; tăng cường các biện pháp giáo dục kỉ luật tích cực để rèn luyện ý thức kỉ luật, trách nhiệm của học sinh đối với bản thân, thầy, cô, bạn bè, gia đình và cộng đồng.

IV. CÁC CHỈ TIÊU PHẤN ĐÁU

1. Đối với học sinh

⁸ Công văn số: 3972/BGDĐT-TTTr ngày 07/8/2023 của Bộ GDĐT Về việc hướng dẫn thanh tra, kiểm tra năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

- Công tác huy động học sinh, duy trì sĩ số đạt từ 99,2% trở lên; tỷ lệ HS bỏ học không quá 0,8%;
- 98% HS chấp hành đúng nội qui học tập. Hạn chế tối đa việc nghỉ học không xin phép;
- Tỷ lệ giờ học xếp loại tốt/A từ 99% trở lên (NH 2024-2025: 98,8%);
- Tỷ lệ HS có kết quả rèn luyện từ mức Đạt trở lên đạt 100%, trong đó tỷ lệ mức tốt, khá từ 99,5% trở lên (NH 2024-2025: 99,73%);
- Tỷ lệ HS có kết quả học tập từ mức Đạt trở lên từ 99,84% trở lên trong đó tỷ lệ mức tốt, khá từ 71% trở lên (NH 2024-2025: 99,84%/70,11%);
- Tỷ lệ lên lớp thẳng khối 10, 11 từ 99,5% trở lên (NH 2024-2025: 99,3%);
- Không có HS lớp 10, 11 lưu ban (NH 2024-2025: 0.16%).
- 100% HS lớp 12 đủ điều kiện dự kỳ thi TN THPT;
- Tốt nghiệp THPT: 100% (NH 2024-2025: 100%).
- 100% bộ môn thi tốt nghiệp có điểm trung bình cao hơn điểm trung bình của tỉnh.

2. Đối với giáo viên

- 100% GV thực hiện đúng Quy chế chuyên;
- 100% GV tiếp cận và ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào dạy học, công tác, trong đó ít nhất 30% khai thác có hiệu quả trí tuệ nhân tạo vào dạy học, công tác;
- 100% GV hoàn thành kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên;
- 100% giáo viên hưởng ứng, tham gia tích cực các phong trào thi đua;
- Từ 10 GV trở lên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp trường;
- 100% GV được đánh giá, xếp loại từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Đối với tổ chuyên môn

- 100% tổ chuyên môn thực hiện đúng Quy chế chuyên môn;
- 100% tổ chuyên môn hưởng ứng, tham gia tích cực các hoạt động, phong trào thi đua; đăng ký viết sáng kiến, giải pháp, chiến sĩ thi đua ít nhất 01 GV/môn, thì GV dạy giỏi cấp cơ sở ít nhất 01 GV/môn (đối với môn có ít hơn 2 GV thì khuyến khích đăng ký).
- Tổ chức hội thảo chuyên đề, nghiên cứu bài học – dạy minh họa, báo cáo chia sẻ kinh nghiệm ít nhất 2 lần/tổ đơn môn; 03 lần/tổ nhiều môn, trong đó: các bộ môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ và Tin học phối hợp xây dựng ít nhất 03 chuyên đề dạy học/năm học theo giáo dục STEM; nếu không liên kết, phối hợp với bộ môn khác thì bộ môn đó thực hiện ít nhất 01 chuyên đề dạy học/năm học theo giáo dục STEM;
- 100% tổ chuyên môn thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra nội bộ; kiểm tra toàn diện ít nhất 25% giáo viên/tổ/năm;

- Mỗi môn học phát triển được ít nhất 01 học liệu số có giá trị, hiệu quả sử dụng;
- Tham gia đầy đủ các môn thi HSG vòng tỉnh. Phần đầu 100% bộ môn tham gia đều có giải HSG vòng tỉnh; số lượng giải, chất lượng giải HSG và cuộc thi KHKT cấp tỉnh tiếp tục được duy trì và có bước phát triển;
- Mỗi tổ chuyên môn có ít nhất 01 dự án tham gia Cuộc thi KHKT cấp trường (*riêng tổ GDTC-QPAN là khuyến khích*).
- Về chất lượng bộ môn:

STT	Môn	Mức Đạt trở lên		Mức Tốt, Khá	
		Kết quả 2024-2025	Chỉ tiêu 2025-2026	Kết quả 2024-2025	Chỉ tiêu 2025-2026
1	Toán học	88,95%	89,1%	54,86%	55,0%
2	Vật lí	97,37%	97,5%	66,20%	66,5%
3	Hóa học	97,75%	98,0%	74,71%	75,0%
4	Sinh học	99,33%	99,5%	78,93%	79,0%
5	Tin học	99,91%	100%	85,57%	86,0%
6	Ngữ văn	96,34%	96,5%	60,65%	61,0%
7	Lịch sử	100%	100%	96,07%	96,0%
8	Địa lí	98,82%	99,0%	83,71%	84,0%
9	Ngoại ngữ	91,02%	91,3%	58,36%	59,0%
10	Công nghệ CN	100%	100%	97,99%	98,0%
11	Giáo dục QPAN	100%	100%	97,61%	98,0%
12	Công nghệ NN	100%	100%	99,74%	99,5%
13	Giáo dục KT&PL	100%	100%	94,06%	94,5%
14	Giáo dục thể chất	100%	100%		
15	Âm nhạc	100%	100%		
16	Mĩ thuật	100%	100%		
17	Nội dung GDDP	100%	100%		
18	Hoạt động TNHN	99,95%	100%		

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo Nhà trường

Lãnh đạo Nhà trường và trực tiếp là Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác chuyên môn chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành, phân công và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ chuyên môn và GV theo Kế hoạch và Quy chế chuyên môn.

2. Tổ chuyên môn

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động cụ thể của tổ; phổ biến, hướng dẫn tất cả GV thực hiện. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo

với Lãnh đạo Nhà trường về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV và của tổ chuyên môn theo quy định.

3. Tổ Văn phòng

Tham mưu cho Lãnh đạo Nhà trường về công tác hỗ trợ, phục vụ các hoạt động chuyên môn. Phối hợp với GV phụ trách CNTT thực hiện tốt việc thiết lập các loại hồ sơ, sổ sách điện tử.

Thực hiện kiểm tra việc cập nhật, sử dụng, bảo quản hồ sơ, sổ sách theo Quy chế quản lý, sử dụng hồ sơ, sổ sách và các tài liệu của trường THPT Nguyễn Hùng Sơn và Quy chế chuyên môn; xuất các báo cáo về hoạt động chuyên môn theo chỉ đạo của Lãnh đạo Nhà trường.

Tiếp nhận, lưu trữ hồ sơ chuyên môn của các tổ chuyên môn và của Nhà trường theo quy định về công tác lưu trữ hồ sơ, sổ sách.

4. Cán bộ, giáo viên, nhân viên

Mỗi cán bộ, viên chức phải chủ động nghiên cứu văn bản chỉ đạo hoạt động chuyên môn, quy chế chuyên môn và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn có liên quan để thực hiện đúng quy định và kịp thời.

Tích cực phát huy vai trò, trách nhiệm cá nhân trong xây dựng tập thể đoàn kết, thống nhất; tổ chức thực hiện tốt các qui định, qui chế chuyên môn và nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Kế hoạch hoạt động chuyên môn năm học 2025-2026 của trường THPT Nguyễn Hùng Sơn. Lãnh đạo Nhà trường đề nghị tổ chuyên môn, các tổ chức, bộ phận và toàn thể cán bộ, viên chức đơn vị tổ chức thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, tổ chuyên môn, viên chức trao đổi, góp ý trực tiếp với Lãnh đạo Nhà trường để kịp thời ghi nhận, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế../.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (P.GDPT) (bc);
- Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH (cđ);
- Tổ chuyên môn(th);
- Các tổ chức đoàn thể, PHHS (ph);
- CB, VC đơn vị (th);
- Lưu VT, CM.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Ninh

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Mai

PHỤ LỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC LỚP HỌC

Lớp	Sĩ số	Nhóm môn học lựa chọn				Cụm chuyên đề học tập			Ghi chú
10A01	42	Vật lí	Hóa học	Tin học	Sinh học	Toán	Sinh học	Hóa học	Anh
10A02	40	Vật lí	Hóa học	Tin học	Sinh học	Toán	Sinh học	Hóa học	Toán
10A03	41	Vật lí	Hóa học	CNCN	Sinh học	Toán	CNCN	Hóa học	
10A04	43	Vật lí	Hóa học	CNCN	Sinh học	Toán	CNCN	Hóa học	
10A05	42	Vật lí	Hóa học	CNNN	Sinh học	Toán	CNNN	Hóa học	
10A06	35	Vật lí	Hóa học	CNNN	Địa	Toán	Vật lí	Hóa học	
10A07	35	Vật lí	Hóa học	CNNN	Địa	Toán	Vật lí	Hóa học	
10A08	41	Vật lí	Hóa học	Tin học	Mĩ thuật	Toán	Vật lí	Tin học	
10A09	40	Vật lí	Hóa học	Tin học	Mĩ thuật	Toán	Vật lí	Tin học	
10A10	44	Địa	KTPL	Tin học	Âm nhạc	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	
10A11	45	Địa	KTPL	Tin học	Âm nhạc	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Văn
10A12	45	Địa	KTPL	Tin học	Âm nhạc	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	
10A13	44	Địa	KTPL	CNNN	Âm nhạc	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	
10A14	43	Địa	KTPL	CNNN	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	
10A15	45	Địa	KTPL	CNNN	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	
11A01	42	Vật lí	Hóa học	Tin học	Sinh học	Toán	Vật lí	Hóa học	Anh
11A02	43	Vật lí	Hóa học	Tin học	Sinh học	Toán	Vật lí	Hóa học	Toán
11A03	45	Vật lí	Hóa học	Tin học	Sinh học	Toán	Vật lí	Hóa học	
11A04	46	Vật lí	Hóa học	Tin học	KTPL	Toán	Vật lí	Hóa học	
11A05	34	Vật lí	Hóa học	Tin học	Địa lí	Toán	Vật lí	Hóa học	
11A06	32	Vật lí	Hóa học	Tin học	Mỹ thuật	Toán	Vật lí	Hóa học	
11A07	34	Vật lí	Hóa học	Tin học	CNCN	Toán	Vật lí	Hóa học	
11A08	40	Vật lí	Địa lí	Tin học	Sinh học	Toán	Vật lí	Sinh học	
11A09	47	CNNN	Hóa học	Tin học	Sinh học	Toán	Hóa học	Sinh học	
11A10	39	CNNN	Hóa học	Địa lí	Sinh học	Toán	Hóa học	Sinh học	
11A11	43	Tin học	KTPL	Địa lí	Âm nhạc	Ngữ văn	KTPL	Địa lí	Văn
11A12	44	CNNN	KTPL	Địa lí	Sinh học	Ngữ văn	KTPL	Địa lí	
11A13	48	Tin học	KTPL	Địa lí	Âm nhạc	Ngữ văn	KTPL	Địa lí	
11A14	46	Tin học	KTPL	Địa lí	Mỹ thuật	Ngữ văn	KTPL	Địa lí	
11A15	36	Tin học	KTPL	Địa lí	CNCN	Ngữ văn	KTPL	Địa lí	
12A01	44	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Toán	Vật lí	Hóa học	Anh
12A02	45	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Toán	Vật lí	Hóa học	Toán
12A03	41	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Toán	Vật lí	Hóa học	
12A04	47	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Toán	Vật lí	Hóa học	
12A05	47	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Toán	Vật lí	Hóa học	
12A06	46	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Toán	Vật lí	Sinh học	
12A07	44	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Toán	Vật lí	Sinh học	
12A08	46	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Toán	Hóa học	Sinh học	
12A09	39	Địa lí	KTPL	Tin học	CNCN	Ngữ văn	Tin học	Địa lí	
12A10	39	Địa lí	KTPL	Tin học	CNCN	Ngữ văn	Tin học	Địa lí	Văn
12A11	40	Địa lí	KTPL	Tin học	CNCN	Ngữ văn	Tin học	Địa lí	
12A12	39	Địa lí	KTPL	Tin học	CNCN	Ngữ văn	Tin học	Địa lí	
12A13	39	Địa lí	KTPL	Tin học	CNCN	Ngữ văn	Tin học	Địa lí	
12A14	39	Địa lí	KTPL	Tin học	CNCN	Ngữ văn	Tin học	Địa lí	
12A15	40	Địa lí	KTPL	Tin học	CNCN	Ngữ văn	Tin học	Địa lí	

PHỤ LỤC 2: SỐ TIẾT DẠY HỌC TỪNG MÔN/LỚP CHÍNH KHÓA (Bao gồm bắt buộc, lựa chọn, chuyên đề)
KHỐI LỚP 10

[illegible]

KHỐI LỚP 11

[illegible]

KHỐI LỚP 12

Lớp	12A01	12A02	12A03	12A04	12A05	12A06	12A07	12A08	12A09	12A10	12A11	12A12	12A13	12A14	12A15
Toán học	140	140	140	140	140	140	140	140	105	105	105	105	105	105	105
Ngữ văn	105	105	105	105	105	105	105	105	140	140	140	140	140	140	140
Tiếng Anh	105	105	105	105	105	105	105	105	105	105	105	105	105	105	105
Lịch sử	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52
Thể dục	70	70	70	70	70	70	70	70	70	70	70	70	70	70	70
Quốc Phòng	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35
HĐTN	105	105	105	105	105	105	105	105	105	105	105	105	105	105	105
GDĐP	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35
Vật lí	105	105	105	105	105	105	105	70	0	0	0	0	0	0	0
Hóa học	105	105	105	105	105	70	70	105	0	0	0	0	0	0	0
Sinh học	70	70	70	70	70	105	105	105	0	0	0	0	0	0	0
Tin học	70	70	70	70	70	70	70	70	105	105	105	105	105	105	105
CNCN	0	0	0	0	0	0	0	0	70	70	70	70	70	70	70
CNNN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Địa lí	0	0	0	0	0	0	0	0	105	105	105	105	105	105	105
KTPL	0	0	0	0	0	0	0	0	70	70	70	70	70	70	70
Âm nhạc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Mĩ thuật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Pháp văn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng CK	997	997	997	997	997	997	997	997	997	997	997	997	997	997	997

(Ghi chú: ngoài số tiết các môn học chính khóa ở trên, hàng tuần, thời khóa biểu của các lớp còn bố trí 01 tiết sinh hoạt dưới cờ và 01 tiết sinh hoạt lớp để triển khai các hoạt động giáo dục khác; triển khai nhiệm vụ quan trọng và sơ kết, đánh giá hoạt động giáo dục trong tuần)

PHỤ LỤC 3: CƠ CẤU TIẾT HỌC TRỰC TIẾP, TRỰC TUYẾN

TT	Môn	Số tiết PPCT	Số tiết/tuần	Tiết KTĐK tập trung	Tiết KTĐK trên lớp	Số tiết học (không tính KTĐK)	Số tiết bố trí TKB (khung 30 tuần)	Tổng số tiết trực tuyến	Số tiết trực tuyến của chương trình chính thức	Số tiết trực tuyến của chuyên đề	Tỉ lệ trực tuyến
1	Toán	105	3	8		97	90	7	7		6,67%
2	Toán	140	4	8		132	120	12	7	5	8,57%
3	Lý	70	2	4		66	60	6	6		8,57%
4	Lý	105	3	4		101	90	11	6	5	10,48%
5	Hóa	70	2	4		66	60	6	6		8,57%
6	Hóa	105	3	4		101	90	11	6	5	10,48%
7	Sinh	70	2	4		66	60	6	6		8,57%
8	Sinh	105	3	4		101	90	11	6	5	10,48%
9	Tin	70	2		4	66	60	10	10		14,29%
10	Tin	105	3		4	101	90	15	10	5	14,29%
11	CNCN	70	2		4	66	60	10	10		14,29%
12	CNCN	105	3		4	101	90	15	10	5	14,29%
13	CNNN	70	2		4	66	60	10	10		14,29%
14	CNNN	105	3		4	101	90	15	10	5	14,29%
15	Văn	105	3	8		97	90	7	7		6,67%
16	Văn	140	4	8		132	120	12	7	5	8,57%
17	Sử	52	1,5	4		48	45	3	3		5,77%

TT	Môn	Số tiết PPCT	Số tiết/tuần	Tiết KTĐK tập trung	Tiết KTĐK trên lớp	Số tiết học (không tính KTĐK)	Số tiết bố trí TKB (khung 30 tuần)	Tổng số tiết trực tuyển	Số tiết trực tuyển của chương trình chính thức	Số tiết trực tuyển của chuyên đề	Tỉ lệ trực tuyển
18	Sử	87	2,5	4		83	75	8	3	5	9,20%
19	Địa	70	2	4		66	60	6	6		8,57%
20	Địa	105	3	4		101	90	11	6	5	10,48%
21	KTPL	70	2	4		66	60	6	6		8,57%
22	KTPL	105	3	4		101	90	11	6	5	10,48%
23	Anh	105	3	4		101	90	11	11		10,48%
24	TD	70	2		4	66	60	10	10		14,29%
25	QP	35	1		4	31	30	5	5		14,29%
26	Nhạc	70	2		4	66	60	10	10		14,29%
27	Mĩ thuật	70	2		4	66	60	10	10		14,29%
28	HDTN	55	2		4	51	60	0	0		0,00%